2b. Thủ tục thành lập công ty kinh doanh tiền tệ thực hiện theo quy định về hợp tác xã tín dụng, công ty tài chính trong pháp lệnh về ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động; Công ty phải đăng ký kinh doanh tại trọng tài kinh tế theo Luật công ty.

2c. Những trường hợp sau đây, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập Công ty sau khi có ý kiến của Bộ quản lý ngành:

- Sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc trừ sâu, trừ mối và sản xuất các loại pháo;

- Sản xuất và cung ứng điện (không thuộc màng lưới điện quốc gia);

- Dịch vụ cho truyền thanh, truyền hình trong phạm vi địa phương.

2d. Việc cấp giấy phép thành lập công ty trong những ngành, nghề không thuộc phạm vi quy định tại điều 4 mới và điều 11 Luật công ty thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Khi xét cấp giấy phép Ủy ban Nhân dân tỉnh phải tuân thủ quy định của Hội đồng Bộ trưởng và của Bộ về các điều kiện thành lập Công ty trong từng ngành nghề (theo khoản 1, điều 8 của quy định ban hành kèm theo Nghị định 222-HĐBT). Trường hợp cần giải quyết khác với quy định của Bộ quản lý ngành thì Ủy ban Nhân dân tỉnh phải trao đổi ý kiến và có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành mới được cấp giấy phép thành lập công ty. Nếu không thống nhất ý kiến thì Ủy ban Nhân dân tỉnh báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2đ. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở quản lý ngành tiếp nhận hồ sơ xin phép thành lập công ty để trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xét.

Trường hợp đương sự xin phép thành lập công ty có kinh doanh nhiều ngành, nghề khac nhau thì sở quản lý ngành sản xuất kinh doanh chính hoặc có vốn pháp định cao nhất tiếp nhận hồ sơ.

Công ty kinh doanh nhiều ngành, nghề khác nhau thì vốn pháp định làm căn cứ để xem xét cấp giấy phép thành lập công ty là tổng số vốn pháp định của các ngành, nghề mà công ty xin phép kinh doanh.

2e. Khi muốn thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh, công ty phải xin phép cơ quan đã cấp giấy phép thành lập và khai báo lại với cơ quan trọng tài kinh tế. Trường hợp thay đổi, bổ sung ngành, nghề nêu tại điều 11 Luật công ty thì phải tuân theo quy định tại điều 4 mới.

Điều 3 - Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể thủ tục và thời hạn cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân và công ty.

Điều 4 - Nghị định này thi hành từ ngày ban hành, những điều quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 5 - Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thực hiện Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T Chủ tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 1-CP ngày 18-10-1992 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Căn cứ Luật thuế, Pháp lệnh thuế và các quy định về các khoản thu mang tính chất thuế của Nhà nước;

Căn cứ Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM VÀ CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT

Điều 1.- Hành vi vi phạm những quy định về thủ tục kê khai đăng ký, lập sổ sách kế toán và giữ chứng từ, hóa đơn liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể bị phạt đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kê khai đăng ký với cơ quan thuế không đúng thời hạn quy định.

b) Khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp thuế hay trong các tài liệu kế toán cung cấp cho cơ quan thuế.

c) Thực hiện không đầy đủ chế độ quản lý sử dụng hóa đơn bán hàng theo quy định của Nhà nước.

2. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.500.000 đồng với một trong các hành vi sau:

a) Không xuất trình sổ sách kế toán, chứng từ theo yêu cầu của cơ quan thuế.

b) Vận chuyển hàng hóa không kèm theo các hồ sơ về thuế quy định cho từng đối tượng kinh doanh (như sổ mua hàng, chứng từ, các giấy tờ hợp lệ khác...).

c) Không nộp tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán cho cơ quan thuế trong thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý không nộp các tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán và các giấy tờ khác cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

b) Hủy bỏ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán khi chưa hết thời hạn bảo quản và lưu giữ theo quy định của Nhà nước.

Điều 2.- Hành vi khai man trốn thuế.

1. Phạt bằng số tiền thuế trốn lậu, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý hành chính về hành vi trốn lậu thuế mà còn vi phạm) có thể phạt đến 2 lần số tiền thuế trốn lậu đối với một trong các hành vi sau:

a) Kê khai sai căn cứ tính thuế theo quy định của từng sắc thuế.

b) Lập sổ sách kế toán sai với thực tế sản xuất kinh doanh.

c) Để ngoài sổ sách số liệu kế toán hoặc hạch toán không đúng tài khoản, tiểu khoản theo quy định.

d) Xin tạm nghỉ kinh doanh để được giảm, miễn thuế nhưng thực tế vẫn kinh doanh.

2. Phạt đến 2 lần số tiền thuế trốn lậu nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý hành chính vì trốn lậu thuế mà còn vi phạm) có thể bị phạt đến 3 lần số thuế trốn lậu đối với một trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa vận chuyển không có đầy đủ hồ sơ chứng minh hàng đã nộp thuế hoặc đã được cơ quan thuế quản lý theo quy định cho từng đối tượng kinh doanh.

b) Kinh doanh không kê khai đăng ký với cơ quan thuế.

c) Giả mạo hóa đơn bán hàng, chứng từ thu tiền, biên lai thuế, giấy trích chuyển vận hàng hóa và các chứng từ khác liên quan đến việc tính thuế.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nếu vi phạm khoản 1, 2 điều này thì bị phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm các điểm a, b, c khoản 1 điều này, nếu bị phát hiện trước thời điểm quy định phải quyết toán thuế hoặc phải nộp đủ thuế thì không bị xử phạt về hành vi trốn lậu thuế mà bị phạt theo quy định tại khoản 2 điều 1 Nghị định này.

5. Trường hợp vi phạm một trong các điểm quy định tại khoản 1, 2 điều này mà có nhiều tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp nêu tại khoản 4 Điều này hoặc trường hợp đã bị xử lý về hành vi trốn lậu thuế mà còn vi phạm) có thể bị tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh.

Trường hợp trốn lậu thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi trốn lậu thuế mà còn vi phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 169 Bộ Luật hình sự.

Điều 3. - Hành vi vi phạm chế độ nộp tiền thuế, tiền phạt.

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không chịu nhận thông báo thu thuế, lệnh thu, lệnh phạt, quyết định xử lý vi phạm về thuế trong trường hợp cơ quan thuế trực tiếp giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

b) Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo nộp thuế hoặc ghi trong quyết định xử phạt của cơ quan thuế.

c) Dây dưa nộp thuế, nộp phạt.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm chế độ nộp tiền thuế, tiền phạt ngoài việc bị xử lý theo điểm b, c, khoản 1 điều này, còn phải nộp phạt số tiền chậm nộp theo luật định.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm điểm c khoản 1 điều này nếu có nhiều tình tiết tăng nặng có thể bị tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh.

Điều 4. - hành vi vi phạm chế độ kiểm tra hàng hóa, niêm phong hàng hóa.

Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cho cơ quan thuế kiểm tra hàng hóa đang trên đường vận chuyển, kiểm tra kho hàng hóa, nguyên liệu tại nơi sản xuất kinh doanh.

b) Tự ý phá niêm phong kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc nhà xưởng trong thời hạn niêm phong của cơ quan thuế.

Chương II

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

Điều 5. - Thẩm quyền xử phạt.

1. Cán bộ thuế đang thi hành công vụ được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000 đồng đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trên địa bàn quản lý của mình.

Trưởng trạm thuế được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 100.000 đồng đối với những vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trên địa bàn quản lý của mình.

2. Chi Cục trưởng Chi cục thuế được quyền:

- Phạt tiền đến 400.000 đồng đối với những vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế quy định tại Điều 1, 3, 4 của Nghị định này trên địa bàn quản lý của mình. Riêng đối với các vi phạm thuế về thuế tiêu thụ đặc biệt được phạt đến 1.000.000 đồng.

- Phạt bằng số tiền thuế trốn lậu đối với hành vi man khai trốn lậu thuế quy định tại Điều 2 nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Thuế được quyền:

- Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với những hành vi vi phạm hành chính về thuế quy định tại Điều 1, 3, 4 của Nghị định này trên địa bàn quản lý của mình.

- Phạt đến ba lần số tiền thuế trốn lậu đối với hành vi man khai trốn thuế, quy định tại Điều 2 Nghị định này. Riêng đối với thuế xuất nhập khẩu được phạt đến 5 lần theo luật định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Chi cục trưởng Chi cục thuế, Cục trưởng Cục thuế có quyền ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 5, Điều 2 và khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 50.000 đồng đối với những vi phạm hành chính về thuế nông nghiệp, thuế sát sinh trên địa bàn quản lý của mình.

6. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, thị xã, huyện được áp dụng tất cả các hình thức phạt và biện pháp hành chính khác, được phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trên địa bàn quản lý của mình theo đề nghị của cơ quan thuế.

7. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được áp dụng tất cả các hình thức phạt và biện pháp hành chính khác quy định trong các văn bản pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo đề nghị của cơ quan thuế.

8. Trường hợp các cơ quan khác trong khi kiểm tra nếu phát hiện các cá nhân, tổ chức có hành vi khai man trốn lậu thuế như quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 Nghị định này thì phải chuyển cho cơ quan thuế xử lý.

9. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện và cấp tương đương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương chỉ được xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo Nghị định này khi có văn bản chính thức đề nghị của cơ quan thuế.

Điều 6. - Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế phải thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 20, 21, 28, 31, 32, 33, Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989.

Điều 7. - Khiếu nại quyết định xử phạt, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và thủ tục giải quyết tố cáo trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo các Điều 36, 37, 38 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989.

Trình tự giải quyết các khiếu nại, tố cáo khác trong lĩnh vực thuế được áp dụng theo các quy định của Pháp lệnh khiếu nại tố cáo của công dân ngày 7 tháng 5 năm 1991.

Điều 8. - Tập thể, cá nhân có thành tích trong việc giúp cơ quan thuế phát hiện, đấu tranh chống các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế sẽ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 9. - Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác mà vi phạm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính hoặc tùy tiện xử phạt không đúng thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ của vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất cho Nhà nước, tổ chức hoặc công dân thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Đối với cá nhân không thuộc ngành thuế lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm dụng tiền thuế, bao che cho hành vi trốn lậu thuế, cố ý gây tổn thất tiền thuế của Nhà nước thì Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp có quyền ra văn bản kiến nghị hình thức và mức độ xử lý (kèm theo hồ sơ vi phạm) chuyển cho cơ quan quản lý cấp trên của cá nhân có hành vi vi phạm hoặc các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 11. - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,